

THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ MỸ

ThS. Nguyễn Tuấn Minh
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

I. Thực trạng kinh tế Mỹ

Vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ trước, nền kinh tế Mỹ bị suy thoái nghiêm trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 1991 giảm xuống dưới 0%; những năm 90, dưới thời Tổng thống B. Clinton, nền kinh tế Mỹ lại được phục hồi và có tốc độ phát triển cao, liên tục trong cả hai nhiệm kỳ⁽¹⁾. Đây là thời kỳ mà “nền kinh tế mới” của Mỹ có tác động tích cực đối với nền kinh tế Mỹ cũng như đối với kinh tế toàn cầu.

Tình hình kinh tế Mỹ gần 5 năm qua có những biến đổi khá phức tạp. Đầu nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống G. Bush, nền kinh tế Mỹ đang trên đà suy giảm. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2000 là 4,1%; năm 2001 GDP tăng qua các quý: QI: 1,3%; QII: 0,3%; QIII: -1,1% và QIV: -2,4%; năm 2002 tăng lên 2,2% nhưng vẫn không bằng mức của năm 2000. Trước tình hình đó, Chính phủ của Tổng thống G. Bush đã đưa ra chính sách tài chính và tiền tệ cởi mở, giảm lãi suất tín dụng, giảm thuế nhằm tăng thu nhập, thúc đẩy tiêu dùng, thúc đẩy đầu tư, nhằm làm cho nền kinh tế phát triển trở lại.

Tuy nhiên, nước Mỹ và nền kinh tế Mỹ đã gặp phải những khó khăn lớn mới nảy sinh: sự kiện khủng bố ngày 11/9/2001, các vụ bê bối của nhiều công ty lớn của Mỹ năm 2002, chiến tranh Iraq do Mỹ phát động năm 2003 và giá dầu mỏ tăng rất cao năm 2004. Trong những khó khăn này có khó khăn nội tại của nền kinh tế Mỹ (bê bối tài chính của các công ty), có những khó khăn có nguồn gốc từ bên ngoài, mà nhiều người cho rằng nguyên nhân phần lớn lại là do chính sách của Mỹ gây ra.

Phần dưới đây chúng tôi xin điểm qua tình hình phát triển của nền kinh tế Mỹ qua các năm.

Nền kinh tế Mỹ lâm vào suy thoái khi tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm liên tục trong ba quý của năm 2001. Điều đó đã làm cho tiêu dùng của người dân Mỹ giảm sút: tốc độ tăng tiêu dùng của hộ gia đình tăng 3,28% năm 2000 đã giảm xuống 2,05%, 1,72% và 0,78% vào các quý I, II, III năm 2001; đầu tư của các doanh nghiệp giảm sút nghiêm trọng: từ mức tăng trưởng 1,19% của năm 2000, giảm xuống -2,28% trong quý I, -2,16% quý II và -1,83% quý III năm 2001; xuất khẩu của Mỹ cũng có sự giảm sút nghiêm trọng:

0,83% quý I, -0,12% quý II và -0,16% quý III năm 2001. Tình hình đó đã làm cho thất nghiệp và lạm phát tăng lên. Tỷ lệ thất nghiệp, theo số liệu của IMF, đã tăng lên 4,7% (năm 2000 tỷ lệ đó là 3,9%). Nhập khẩu của Mỹ giảm, dẫn đến kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ trong năm này giảm khoảng 10%, đã làm tăng thêm khó khăn cho nền kinh tế, tuy nhiên điều đó lại góp phần làm giảm thâm hụt thương mại, giảm sức ép đối với đồng đôla và cải thiện cán cân thanh toán của Mỹ. Một điểm cần lưu ý về nền kinh tế Mỹ năm 2001 là năng suất lao động vẫn duy trì được mức tăng khoảng 1,8-1,9%, điều đó thể hiện nền kinh tế Mỹ vẫn còn có những nhân tố phát triển theo chiều sâu có tính chất lâu dài, bảo đảm cho nó có khả năng phục hồi và duy trì khả năng đầu tư phát triển trung và dài hạn.

Bước vào năm 2002, nền kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi chậm chạp, tuy nhiên, thất nghiệp lại tăng cao hơn năm trước, lên tới 5,9%, sự phục hồi của các ngành công nghiệp rất yếu ớt, thu nhập của người dân giảm sút (do việc làm bị cắt giảm và lương tăng chậm). Ngoài ra còn nhiều nhân tố khác kìm hãm sự phục hồi của nền kinh tế, như đầu tư kinh doanh chưa phục hồi, giá năng lượng tăng, chỉ số phát triển của khu vực dịch vụ giảm sút, các nghị sỹ Đảng Dân chủ công kích sự lãnh đạo yếu kém của chính phủ trong lĩnh vực kinh tế (thiếu kế hoạch và thiếu trách nhiệm, không có biện pháp thích hợp, chỉ áp dụng chính sách cũ là giảm thuế...), thị trường chứng khoán có nguy cơ sụp đổ. Mặc dù có

những khó khăn như vậy, GDP của Mỹ năm 2002 vẫn tăng 2,2%, đánh dấu sự phát triển trở lại của nền kinh tế, mặc dù chưa chắc chắn.

Tình hình phát triển kinh tế năm 2003 có thể được coi là năm nền kinh tế Mỹ thoát ra khỏi suy thoái, nhiều khó khăn tiềm ẩn đã được giải quyết cơ bản. Nguy cơ khủng bố vẫn còn, nhưng sức ép của nó đối với nền kinh tế đã giảm, các cuộc chiến ở Afghanistan và Iraq dù chưa đến hồi kết thúc hoàn toàn, nhưng Mỹ đã chiến thắng, làm cho lòng tin của giới đầu tư và người tiêu dùng đã được khơi dậy, áp lực của giá dầu mỏ tăng cũng đã giảm do Mỹ chiếm được Iraq. Những áp lực nặng nề này giảm xuống, tự chúng đã tạo nên những đòn bẩy để phát triển kinh tế. Chính sách cắt giảm thuế, tăng tiêu dùng, giảm lãi suất, kích thích đầu tư đã bắt đầu phát huy tác dụng. Nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh của người dân Mỹ (tăng 6,6%, là mức cao nhất từ nhiều năm qua) đã có những tác động tích cực đối với tăng trưởng: tình hình tiêu dùng được cải thiện đã làm cho các nhà đầu tư đẩy mạnh đầu tư phát triển. Năm 2003 đánh dấu việc tăng đầu tư khá mạnh mẽ cho tư liệu sản xuất, nhà xưởng, máy móc thiết bị mới. Chính việc mở rộng đầu tư của các doanh nghiệp đã tác động đến tiền lương và lợi nhuận của công ty, thị trường bất động sản, tăng cường xuất khẩu. Xuất khẩu được đẩy mạnh một phần còn nhờ vào vị thế đồng đôla Mỹ mất giá so với những đồng tiền khác.

Một trong nhiều nguyên nhân quan trọng làm cho nền kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh trở lại trong năm 2003, nhưng chưa thật ổn định là do

tình hình phát triển của thị trường chứng khoán được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều dao động do chính sách an ninh quốc phòng của chính phủ. Đến hết quý III, với tốc độ tăng GDP lên tới 8,2% đã làm tăng lòng tin cho các nhà đầu tư và làm cho thị trường chứng khoán lại phát triển mạnh mẽ, tổng giá trị của thị trường chứng khoán đã tăng thêm 2 nghìn tỷ USD so với đầu năm, tuy vậy mức độ hồi phục vẫn chưa đạt như trước. Một nguyên nhân khác là tỷ lệ thất nghiệp vẫn tiếp tục ở mức cao. Số liệu thống kê của Mỹ cho thấy, thất nghiệp trong năm 2003 cao chưa từng thấy trong 9 năm trước đó (đạt khoảng 6%). Khu vực bị mất việc làm nhiều nhất là khu vực chế tạo. Có thể tỷ lệ thất nghiệp cao góp phần làm cho nền kinh tế tăng trưởng (Mỹ duy trì tỷ lệ lạm phát thấp và năng suất lao động vẫn có tỷ lệ tăng trưởng cao, hai yếu tố này làm cho giá sản phẩm không tăng và có khả năng tăng sản lượng nhưng không tăng lao động), nhưng lại có khả năng làm cho nền kinh tế không thể phát triển mạnh và ổn định hơn. Thâm hụt kép cũng là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Ngân sách an ninh quốc phòng tăng mạnh đã tạo nên thâm hụt ngân sách trầm trọng (hàng năm Mỹ chi cho mục tiêu này khoảng 300 tỷ USD, nay phải chi thêm khoảng 150 tỷ cho hai cuộc chiến ở Afganistan và Iraq) và năm 2003 đạt tới 374,2 tỷ USD, triển vọng sẽ còn tăng hơn nữa. Bên cạnh đó, thâm hụt tài khoản vãng lai cũng rất cao, đạt khoảng 5% GDP.

Năm 2004 GDP của Mỹ tăng 3,9%. Như vậy, với sự tăng trưởng

liên tục từ năm 2002, nền kinh tế Mỹ đi vào phát triển ổn định. Các chính sách được áp dụng đã có những tác động tích cực: tăng tích lũy và đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng chi tiêu-tiêu dùng của chính phủ và người dân, giảm thuế và nới lỏng kiểm soát tiền tệ... Mức tăng tiêu dùng thực tế khoảng 4,5% cao hơn nhiều so với khoản thu nhập thực tế của người dân sau khi đóng thuế và bảo hiểm (dưới 3%). Kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ (10 tháng đầu năm) đạt tới 2.400 tỷ USD, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dầu vậy, Mỹ vẫn tiếp tục nhập siêu, trong 2.400 tỷ nêu trên, có tới 131 tỷ là thâm hụt với Trung Quốc. Năng suất lao động ở Mỹ trong năm này vẫn được duy trì ở mức cao, trong ba quý đầu năm có mức tăng 4,8%, 6,2% và 4,7%.

Những yếu tố tiêu cực như giá dầu mỏ tăng, thâm hụt ngân sách, chi phí quốc phòng... vẫn đe dọa phát triển ổn định của nền kinh tế. Thâm hụt ngân sách trong năm (tài khoá) 2004 lên đến 445 tỷ USD⁽²⁾, chiếm khoảng 3,8% GDP; thâm hụt thương mại đạt trên 500 tỷ đôla chỉ trong 10 tháng đầu năm. Chi phí cho quốc phòng, an ninh nội địa, duy trì "hoà bình", mà đúng ra là duy trì sự có mặt của quân đội Mỹ ở Iraq, phát triển các hệ thống phòng thủ, các hệ thống chống khủng bố, chống vũ khí hoá học và sinh học sẽ ngốn thêm nhiều chục tỷ đôla. Sau bầu cử, Tổng thống G.Bush tuyên bố thúc đẩy một chính sách đồng đôla mạnh, nhưng trên thực tế đồng đôla vẫn rớt giá so với các đồng tiền khác; tỷ lệ lãi suất ngắn hạn được duy trì ở mức thấp, 2,75% mặc dù Fed tăng lãi suất liên tục 5 lần trong 6 tháng

cuối năm 2004 (hiện nay là 3%). Trong năm 2004, lạm phát là 3,19% và thất nghiệp có tỷ lệ là 5,4%.

Bước vào năm 2005, các nhà hoạch định chính sách Mỹ dự kiến mức tăng trưởng kinh tế của năm này sẽ đạt khoảng 3,5%, nền kinh tế được ổn định hơn. Dự báo tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát đều giảm xuống, giá trị đồng đôla dù có tăng lên, nhưng vẫn ở mức thấp so với nhiều đồng tiền khác. Những vấn đề bất ổn tác động đến nền kinh tế sẽ được chú ý nhiều hơn: giá dầu mỏ, nguy cơ khủng bố, giá trị của đồng đôla, vấn đề lạm phát, thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư, vấn đề thâm hụt ngân sách và cán cân thanh toán... Đây vừa là những vấn đề có tính chất ngắn hạn, cũng vừa có tính chất lâu dài, khó giải quyết, đòi hỏi phải có những chính sách thích ứng.

II. Triển vọng kinh tế Mỹ

Là một nền kinh tế lớn nhất thế giới, sự phát triển và suy thoái của nền kinh tế Mỹ phụ thuộc vào những nhân tố nội tại của nền kinh tế, sự điều chỉnh chính sách của chính quyền và các thiết chế kinh tế-chính trị-xã hội Mỹ và cũng được quy định bởi những lực lượng thị trường vô hình khắp nơi trên thế giới. Để bảo đảm cho nền kinh tế "linh hoạt hơn, đổi mới hơn, mang tính cạnh tranh hơn"⁽³⁾ có khả năng phát triển bền vững, bảo đảm việc làm và duy trì lạm phát ở mức thấp, cũng như duy trì vai trò lãnh đạo thế giới, chính quyền của Tổng thống Bush đã có những điều chỉnh chính sách quan trọng. Những điều chỉnh này phần lớn được đề xuất từ cuối nhiệm kỳ đầu và trong nhiệm kỳ hiện nay của Tổng thống Bush.

Một trong những vấn đề chính sách quan trọng được chính quyền Tổng thống Bush đề cập đến là chính sách tài chính tiền tệ.

Những vấn đề chính sách

Chính sách tài chính tiền tệ của Mỹ là vấn đề được quan tâm không chỉ của Quốc hội và người dân Mỹ, nó còn là vấn đề của cả cộng đồng quốc tế, nó đặc biệt nổi lên khi nền kinh tế lâm vào suy thoái như những năm qua ở Mỹ, và cũng quan trọng không kém khi nền kinh tế lấy lại đà tăng trưởng và phát triển vững mạnh. Việc thay đổi lượng cung tiền tệ và điều chỉnh tỷ lệ lãi suất của Mỹ ảnh hưởng lớn đến tiêu dùng và đầu tư nội địa, đến tỷ giá hối đoái và khả năng cạnh tranh của Mỹ trên thế giới, và như vậy nó làm cho kinh tế thế giới và kinh tế Mỹ phụ thuộc vào nhau ở một mức độ rất cao.

Chính quyền Bush ngay từ đầu đã tránh có sự đối đầu với Fed. và tìm cách phối hợp trong việc điều hành chính sách kinh tế, tiền tệ. Ở Mỹ, Fed. là cơ quan độc lập chịu trách nhiệm hoạch định chính sách tiền tệ và Tổng thống không trực tiếp can thiệp vào hoạt động của Fed. Lãi suất là công cụ chủ yếu để Fed. sử dụng nhằm phản ứng với các cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế. Thực tế cho thấy, trong nhiều năm qua, Fed. đã sử dụng công cụ này rất thành công: đã nhanh chóng điều chỉnh lượng cung tiền tệ và tỷ lệ lãi suất một cách thích ứng để đối phó với suy thoái, hoặc tăng trưởng quá nóng của nền kinh tế. Khi nền kinh tế có nguy cơ rơi vào suy thoái như mấy năm trước đây, Fed. đã tăng lượng cung tiền tệ và cắt giảm

tỷ lệ lãi suất để kích thích tăng trưởng, và khi nền kinh tế tăng trưởng quá nóng, Fed. lại giảm lượng cung tiền tệ, tăng tỷ lệ lãi suất để kìm chế lạm phát, giảm tổng cầu xã hội, tăng lượng hàng tồn kho và như vậy, các công ty buộc phải thu hẹp sản xuất, nền kinh tế phát triển ổn định trở lại, để bắt nhịp vào một chu kỳ kinh doanh mới.

Tuy nhiên, các chu kỳ kinh doanh không phải lúc nào cũng tiếp diễn một cách an toàn, chính xác theo các điều chỉnh vĩ mô. Lần suy giảm kinh tế này của Mỹ lại có sự khác biệt, nó không do tỷ lệ lãi suất quá cao gây ra. Vấn đề là chính sách lãi suất của Fed. phải vực dậy được niềm tin của giới đầu tư, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong điều kiện lãi suất còn thấp. Trong thời gian vừa qua, những đợt điều chỉnh cắt giảm của Fed. đã có tác dụng qua việc giảm lãi suất cho vay, tăng tính cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường thế giới do giá trị của đồng đô la yếu.

Từ tháng 6 năm 2004 đến nay, Fed. đã tăng lãi suất 8 lần, tăng từ mức cơ bản là 1% thêm 0,25% mỗi lần, lên đến 3,0% hiện nay. Động thái này đã được giới kinh doanh hoan nghênh và được coi là một biện pháp hữu hiệu giải quyết tình trạng suy thoái và phục hồi chậm. Bên cạnh đó, Mỹ thực hiện chính sách đồng đô la yếu, nhưng không có những tuyên bố ồn ào, cho đến khi Tổng thống Bush công khai tuyên bố ủng hộ đồng đô la mạnh, thì dư luận chung mới thay đổi quan điểm rằng Mỹ đang thực hiện chính sách đồng đô la yếu do những thất bại của nước này trong các biện pháp phục hồi giá trị đồng đô la.

Mặc dù đồng đô la yếu có lợi cho xuất khẩu, được nhiều doanh nghiệp ủng hộ, nhưng nếu áp dụng trong thời gian dài nó sẽ tác động đến lạm phát, ảnh hưởng đến lòng tin của nhà đầu tư nước ngoài. Hơn thế nữa, đồng đô la mạnh sẽ có nhiều lợi ích như giảm nguy cơ lạm phát, giảm giá hàng nhập khẩu có lợi cho người tiêu dùng, cũng như tạo tiền đề kích thích tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Và nhờ đó, sẽ có những tác động ngược trở lại tích cực đối với sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế ổn định của Mỹ trong thời gian trước mắt, cũng như trong tương lai dài hơn.

Điều chỉnh chính sách tài khoá: Đầu năm 2003, Tổng thống G. Bush đã công bố kế hoạch kích thích kinh tế trọn gói 674 tỷ USD, trong đó bao gồm cả việc xóa và giảm thuế, trợ cấp thất nghiệp, nội dung cơ bản của những vấn đề này là:

- Xóa bỏ thuế lãi suất cổ phần cho các nhà đầu tư tư nhân. Như vậy, tất cả những người có đầu tư sẽ tiết kiệm được những khoản tiền lớn hàng năm;

- Tăng nhanh cắt giảm thuế thu nhập. Điều này làm cho những người có thu nhập cao có thể tiết kiệm được nhiều hơn trước;

- Ngừng đánh thuế đối với các doanh nghiệp và cá nhân mua máy móc thiết bị cho doanh nghiệp. Chính quyền cho rằng, việc xóa bỏ thuế này sẽ khiến cho doanh nghiệp được kích thích đầu tư cho tương lai, hướng tới tăng trưởng;

- Tăng ngay việc cung cấp tín dụng và giảm thuế trẻ em, làm cho tình trạng tài chính của các gia đình có thu nhập thấp và vừa được cải

thiện (mặc dù Chính phủ phải chịu một khoản tăng chi phí lên tới 20 tỷ USD hàng năm);

- Kéo dài trợ cấp thất nghiệp và cung cấp cho một số người thất nghiệp 3.000 USD để giúp họ tìm việc làm mới (Quốc hội Mỹ đã không thông qua việc "kéo dài" này);

- Giảm thuế hôn nhân (thông thường một cặp vợ chồng mới cưới sẽ phải chuyển sang một mức thuế cao hơn so với lúc họ sống độc thân).

Chính quyền cho rằng, việc áp dụng kế hoạch cắt giảm thuế nêu trên sẽ làm cho gần 100 triệu người đóng thuế sẽ có thể giảm được bình quân mỗi người 1.083 USD, mỗi cặp vợ chồng tiết kiệm được 1.716 USD và 34 triệu gia đình có trẻ em tiết kiệm được khoảng 1.473 USD trong năm đầu thực hiện kế hoạch.

Đến năm 2004, Nhà trắng đã điều chỉnh Luật thuế thu nhập trong nước vốn rất phức tạp. Mặt khác, thâm hụt ngân sách gia tăng cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy chính quyền Bush thực hiện cải cách chính sách tài chính. Chính sách cắt giảm thuế năm 2004 là một phần trong chính sách tài chính giai đoạn 2001-2006. Theo đó, thuế thu nhập cá nhân giảm từ 39,6% xuống 35% nói chung và tỷ lệ 10% cho những người thu nhập thấp.

Ngoài ra, thuế đối với lợi nhuận thu được giảm từ 20% xuống còn 15%, tỷ lệ 10% đối với lợi nhuận thu được của các hộ gia đình có thu nhập thấp sẽ giảm dần xuống 0% trong năm 2008. Các kế hoạch cho giai đoạn 2001-2008 được thực hiện trong năm tài chính 2004 đã gây ra nhiều tranh cãi về tính minh bạch, cũng như hiệu quả. Chính quyền

đương nhiệm cho rằng việc cắt giảm thuế sẽ tháo gỡ được khó khăn do những khoản chi ngân sách, cũng như góp phần tăng từ 2 đến 6% của GDP. Việc cắt giảm thuế thu nhập cá nhân có thể khuyến khích người lao động, tăng thu nhập thực tế sau thuế đồng thời tăng sức mua của người tiêu dùng.

Với nhiệm kỳ mới từ tháng 1 năm 2005, Chính quyền Tổng thống Bush tiếp tục điều chỉnh chính sách kinh tế để ổn định tăng trưởng kinh tế cũng như tạo dựng lòng tin cả ở trong và ngoài nước đối với sự điều tiết hiệu quả của nhà nước đối với nền kinh tế. Trong Thông điệp Liên bang đầu năm 2005, chính quyền tổng thống Bush chủ trương có một dự toán ngân sách tích cực nhằm kiểm soát tỷ lệ chi tiêu tùy tiện xuống dưới mức lạm phát, giảm thuế lâu dài và tiếp tục cắt một nửa mức thâm hụt vào năm 2009, thu hẹp hoặc xoá bỏ hơn 150 chương trình của Chính phủ không có hiệu quả... Tổng thống Mỹ cũng chủ trương phát triển hơn nữa giáo dục phổ thông và đại học, dạy nghề, phát triển doanh nghiệp nhỏ, phát triển ngành năng lượng; tiếp tục các chương trình cải cách thuế và tín dụng cho chương trình chăm sóc sức khoẻ và an sinh xã hội...

Tuy vậy, nhiều nhà kinh tế nghi ngờ về tính hiệu quả của các chính sách kinh tế, tài chính trên đối với nền kinh tế vĩ mô, cũng như không giúp đơn giản hóa hệ thống thuế phức tạp của Mỹ.

Điều chỉnh chính sách công nghiệp và một số ngành công nghệ cao: Chính quyền Bush đã thực hiện chính sách tăng chi tiêu ngân sách, giảm thuế và giảm lãi suất cho vay để kích thích tiêu dùng,

đẩy mạnh hiện đại hóa khu vực công nghiệp kể cả công nghiệp quân sự sử dụng công nghệ cao và bảo hộ một số ngành sản xuất đang bị cạnh tranh mạnh, trước hết là ngành sản xuất thép và phát triển một số ngành công nghiệp liên quan, cũng như các ngành công nghệ cao. Với những điều chỉnh được xác định về cơ cấu và những giải pháp kích thích phát triển công nghiệp, ngay trước thời điểm bị khủng bố, Fed. đã cắt giảm 3 lần lãi suất, mỗi lần 0,5%.

Cùng với việc cắt giảm lãi suất, chính quyền Tổng thống Bush quyết tâm nhanh chóng thông qua kế hoạch giảm thuế để thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là các ngành công nghiệp. Quốc hội đã thông qua nghị quyết ngân sách, chương trình cắt giảm thuế 1.350 tỷ USD trong vòng 11 năm tới và đã có đợt giảm thuế 100 tỷ USD ngay sau Nghị quyết được thông qua.

Năm 2003, tổng chi phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ ở Mỹ là 111,8 tỷ USD, tức gần gấp đôi so với năm 1980 (khoảng 64,4 tỷ USD). Trên thực tế, ngân sách dành cho nghiên cứu phát triển công nghệ quốc phòng thường xuyên chiếm tỷ lệ khoảng 50% tổng ngân sách nghiên cứu khoa học liên bang trong nhiều thập kỷ qua. Thêm vào đó, sự kiện 11/9 đã tạo ra mối lo ngại lớn về nguy cơ khủng bố công nghệ cao trong tương lai, khiến cho các công nghệ an ninh quốc phòng sẽ tiếp tục được đẩy lên đóng vai trò hàng đầu trong chính sách công nghệ của Mỹ và ngân sách trong lĩnh vực này sẽ luôn được Chính phủ Mỹ ưu tiên. Dự đoán ngân sách này sẽ tiếp tục tăng trong tương lai.

Bên cạnh đó, chính sách công nghệ năng lượng và môi trường cũng sẽ có sự điều chỉnh. Điều này xuất phát từ thực tế, từ cuối những năm 1990 và đặc biệt là năm 2001, nước Mỹ phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt năng lượng do nhu cầu tăng nhanh trong khi khả năng cung cấp lại không đáp ứng kịp. Hiện tại, chính quyền Bush đã lên kế hoạch phát triển các dự án lớn sau: Chương trình Nghiên cứu công nghệ than sạch; Chương trình Nghiên cứu và phát triển nguồn năng lượng có khả năng tái tạo. Bên cạnh đó, trong vấn đề nghiên cứu bảo vệ môi trường, Chính quyền Bush không có những điều chỉnh lớn so với thời Clinton, ngoài những chính sách cho nghiên cứu về thay đổi khí hậu.

Trong vấn đề công nghệ đối với công nghiệp dân dụng, chính quyền Bush có 4 chính sách lớn, đó là: tiếp tục chương trình Nghiên cứu công nghệ thông tin và hệ thống mạng (NITRD); Sáng kiến quốc gia về công nghệ siêu nhỏ (nanotechnology); Cắt giảm ngân sách đối với Chương trình Công nghệ tiên tiến (ATP) và tiếp tục khuyến khích các nhà công nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ.

Điều chỉnh chính sách nông nghiệp: Ngành nông nghiệp của Mỹ ngày nay chỉ có khoảng 1% lực lượng lao động xã hội và hàng năm sản xuất ra 1% giá trị GDP, nhưng lại có vai trò rất quan trọng cho sự phát triển thịnh vượng của cả nền kinh tế Mỹ. Nó là một bộ phận quan trọng trong cả một hệ thống nhiều ngành nông - công nghiệp - dịch vụ có liên quan gồm sản xuất lương thực, thực phẩm và các loại nông sản khác, các

ngành công nghiệp, chế biến, xuất khẩu và hàng loạt các dịch vụ liên quan khác. Hệ thống này đóng góp hàng năm khoảng 1,5 nghìn tỷ USD (tương đương 16% GDP) và thu hút khoảng 17% lực lượng lao động Mỹ. Việc điều chỉnh chính sách nông nghiệp tập trung vào các vấn đề chính sau: *Thứ nhất*, thúc đẩy nông nghiệp hướng tới xuất khẩu, bao gồm phát triển các thị trường có mức thu nhập trung bình; xuất khẩu hàng hóa giá trị cao; tìm cách giảm bớt các rào cản thương mại. *Thứ hai*, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, bao gồm điều chỉnh thanh toán trực tiếp của chính phủ; xây dựng hệ thống an toàn; thay đổi vai trò can thiệp của chính phủ; chính sách hỗ trợ nông nghiệp và thương mại quốc tế về hàng nông sản của Mỹ. *Thứ ba*, tăng cường hạ tầng nông nghiệp. Như vậy, có thể thấy trước rằng, trong nhiều năm trước mắt Mỹ sẽ tăng cường sức ép mạnh hơn với các nước khác để xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và liên quan đến nông nghiệp của Mỹ, có thể thấy Mỹ sẽ tiếp tục trợ cấp cho nông nghiệp, các cuộc chiến tranh thương mại về nông sản sẽ căng thẳng và xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Mỹ sẽ không dễ dàng.

Điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại: Xuất phát từ những xu hướng phát triển của toàn cầu hóa và thương mại quốc tế hiện nay và những thách thức tiềm tàng đối với Mỹ, việc phục hồi và củng cố vị trí lãnh đạo của Mỹ đối với thương mại tự do sẽ vẫn là mục tiêu của Chính quyền Mỹ trong thời gian tới. Mục tiêu đó bao gồm việc đẩy mạnh

thương mại tự do trên quy mô toàn cầu, ở cấp khu vực và song phương.

Trong chương trình nghị sự về thương mại quốc tế trong những năm tới của Mỹ, hướng tới việc cải tạo môi trường thương mại thế giới có lợi cho kinh doanh buôn bán của Mỹ, có những điểm đáng chú ý sau đây.

1. Thúc đẩy vòng đàm phán đa phương mới về thương mại toàn cầu dưới sự bảo trợ của WTO nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và thương mại quốc tế.

2. Tạo ra hệ thống các quy chế và thủ tục của thương mại quốc tế cởi mở và minh bạch hơn.

3. Thúc đẩy các biện pháp đa phương, khu vực và song phương nhằm làm giảm và hủy bỏ hoàn toàn các rào cản thương mại, đồng thời giảm các hoạt động thực tiễn thương mại không bình đẳng.

4. Tạo ra các thị trường cởi mở và bình đẳng hơn nữa cho hàng hóa, dịch vụ và vốn đầu tư nước ngoài.

5. Xây dựng các chính sách hỗ trợ thương mại với môi trường và giữa thương mại với lao động.

VỀ TRIỂN VỌNG

Có thể cho rằng, hiện nay nền kinh tế Mỹ đã phục hồi. Tuy nhiên, nhiều người vẫn cho rằng, sự phục hồi này là chưa vững chắc. Báo cáo kinh tế của Tổng thống Mỹ năm 2003 cho rằng, nền kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục tăng trưởng trung bình khoảng 3,3% từ nay đến năm 2008.

Nhưng thực tế có đúng như vậy không? Phần sau đây sẽ nêu một số dự báo về triển vọng phát triển kinh tế Mỹ, những dự báo này dựa vào một số cơ sở sau: một số kịch bản của

văn phòng Quốc hội Mỹ, những giả thiết trong Báo cáo kinh tế Tổng thống năm 2003, 2004 và một số tư liệu khác; đồng thời chúng tôi cũng giả định như sau: 1) Mỹ tiếp tục dính líu vào việc "duy trì hoà bình" ở Iraq, Afghanistan và một số điểm nóng khác (chi phí quân sự và các chi phí khác tăng lên, thâm hụt ngân sách và thương mại tăng); 2) Mỹ vẫn tiếp tục chính sách vừa qua ở Trung Đông, Trung Á; 3) Giá dầu mỏ tiếp tục cao, cũng như nhiều nguyên liệu chiến lược khác ngày càng khan hiếm (chi phí sản xuất của Mỹ tăng cao, chiến tranh giành nguyên vật liệu sẽ xảy ra); 4) Trung Quốc vẫn ổn định và tiếp tục phát triển nhanh chóng (thị trường thế giới phức tạp, nguyên-nhiên-vật liệu trên thị trường thế giới sẽ khan hiếm và đắt đỏ...); 5) Các vòng đàm phán của WTO được tiếp tục; 6) Đồng đôla tiếp tục là đồng tiền yếu.

Có thể thấy một số tình hình phức tạp sau trong nền kinh tế Mỹ những năm trước mắt:

- Fed. vẫn theo đuổi chính sách đồng đô la yếu, nhưng việc phá giá đồng đô la từ lâu đã không còn là một công cụ chính sách tiền tệ của Mỹ. Như vậy, khả năng giảm mạnh thâm hụt thương mại là gần như không thể xảy ra. Thay đổi lãi suất trong nước cũng không còn có ảnh hưởng mạnh tới tỷ giá của đồng đô la trong dài hạn. Ngay cả khi đồng đô la bị phá giá thì lạm phát sẽ không làm cho "mức 25%" giảm giá của đồng đô la Mỹ xuất hiện vì trong thực tế, việc giảm giá đồng đô la (hay tăng giá đồng Yên Nhật và Mác Đức) trước đây vào năm 1985 đã làm lạm phát ở Mỹ tăng cao, là một kinh nghiệm mà Mỹ không muốn lặp lại.

- Việc thay đổi cung cầu ở Mỹ và trên thế giới cũng không thể thực hiện được để có thể "điều chỉnh" mức thâm hụt thương mại của Mỹ. Hiện tại, tiêu dùng ở Mỹ cao hơn sản xuất khoảng 4%, cao hơn cả mức tăng trưởng hàng năm. Theo logic, để có thể giảm được thâm hụt thương mại thì chênh lệch giữa tiêu dùng và sản xuất của Mỹ phải bằng 0. Điều này sẽ khó có thể xảy ra vì nó gắn liền với mức sống và tập quán tiêu dùng của người Mỹ.

Trong thực tế, nếu cán cân thương mại Mỹ bị thu hẹp quá nhanh sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới vì mức cầu suy giảm mạnh. Điều này sẽ gây ra những tác động tiêu cực đối với các nền kinh tế lớn khác như EU, Nhật Bản, mà các nền kinh tế này lại có thể tác động ngược trở lại đối với "sự tăng trưởng kinh tế đủ để thất nghiệp ở mức tự nhiên" của Mỹ. Như vậy, các lực lượng thị trường cả trong nước, lẫn quốc tế đều không thể làm biến đổi tình hình cán cân tài chính của Mỹ như mong muốn.

- Hiện nay, nợ công ty và nợ cá nhân của Mỹ vẫn đang ở mức cao hơn so với thu nhập. Điều này làm cho nền kinh tế Mỹ trở nên dễ bị tổn thương bởi các cú sốc như giá tài sản, hay giá dầu mỏ tăng. Mặc dù Mỹ đã có những biện pháp tài chính nhằm khống chế sự suy thoái kinh tế gần đây, nhưng chưa làm cho mức tăng trưởng phục hồi đủ để hạn chế mức thất nghiệp gia tăng sau phục hồi kinh tế năm 2003. Thực tế, để có thể đạt được mức tăng trưởng này thì mức nợ tư nhân phải giảm đi so với thu nhập, nhưng hiện nay nợ vẫn tiếp tục tăng. Do vậy, kinh tế Mỹ trong thời gian trước mắt vẫn

tiếp tục tăng trưởng, nhưng không chắc chắn.

Các giả thiết về tăng trưởng kinh tế Mỹ cho thấy, nếu chính sách tài chính được nới lỏng để đạt mức tăng trưởng vừa phải sẽ tạo ra mức thâm hụt thương mại và thâm hụt ngân sách lớn. Mặt khác, nếu nhu cầu xuất khẩu tăng lên thì về mặt nguyên tắc, mức tăng trưởng kinh tế sẽ khả quan hơn đồng thời sẽ giảm được thâm hụt thương mại và thâm hụt ngân sách. Tuy nhiên, điều này lại đòi hỏi người Mỹ phải từ bỏ tập quán tiêu dùng của mình, phải "thắt lưng buộc bụng" để giảm mức chênh lệch giữa sản xuất và tiêu dùng như hiện nay, là điều khó có thể xảy ra trong xã hội Mỹ.

Trong lịch sử kinh tế thế giới, chưa bao giờ sau chiến tranh mà khu vực tư nhân của một nước lại có mức thâm hụt tài chính lâu như vậy. Trong một vài trường hợp ở các nước khác (như Anh và các nước Scandinavia hơn 10 năm trước đây), sau khi khu vực tư nhân rơi vào tình trạng thâm hụt như của Mỹ hiện nay, thì việc chuyển sang thặng dư quá mức sẽ nhanh chóng xuất hiện. Điều này có thể diễn ra nếu giá cổ phiếu và nhà ở được đánh giá là sẽ tăng lên ở mức vừa phải. Nhưng rất có khả năng thị trường chứng khoán sẽ có những xáo trộn gây mất lòng tin, và như vậy, sẽ làm cho nền kinh tế lại rơi vào một cuộc suy thoái tồi tệ hơn nữa.

Trong những năm tới, chính quyền Mỹ sẽ phải **điều chỉnh chính sách đối nội** liên quan đến phát triển kinh tế trong nước. Những áp lực điều chỉnh chính sách kinh tế hướng vào tăng trưởng trong nhiệm kỳ cuối của Tổng thống Bush

sẽ không còn nặng như thời kỳ vận động bầu cử. Thêm vào đó, chi tiêu cho các vấn đề quốc phòng bên ngoài lãnh thổ như vấn đề Iraq, Afghanistan... hiện đã góp phần làm tăng thâm hụt ngân sách liên bang, khiến cho chính quyền Bush phải điều chỉnh lại nhiều chính sách xã hội hơn là tăng trưởng kinh tế. Trước hết, thuế có thể sẽ bị điều chỉnh để bù lại thiếu hụt ngân sách. Đồng thời, các khoản chi cho vấn đề bảo hiểm, chi phí học tập, phúc lợi xã hội sẽ tiếp tục bị cắt giảm (trong Thông điệp Liên Bang năm 2005 Tổng thống G. Bush cho rằng, để làm cho nền kinh tế Mỹ vững mạnh hơn, "Chúng ta phải hạ thấp chi phí chăm sóc y tế..."). Xét trong điều kiện ngân sách thâm hụt và đảng Cộng hòa nắm giữ ưu thế ở cả Thượng viện lẫn Hạ viện, thì khả năng đó là rất lớn. Đồng thời, các chính sách về kinh tế trong nước dự kiến trong thời gian tới có thể có những điều chỉnh tiếp theo. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, việc thúc đẩy nền kinh tế Mỹ đi lên trong thời gian tới sẽ vẫn là một khó khăn lớn cho đảng Cộng hòa của Tổng thống Bush.

Triển vọng quan hệ kinh tế quốc tế

Trong nhiệm kỳ thứ hai, sự điều chỉnh của chính quyền Bush sẽ làm cho kinh tế Mỹ gắn bó chặt chẽ hơn với kinh tế thế giới, mà châu Âu và khu vực phát triển năng động của châu Á - Thái Bình Dương sẽ vẫn là trọng điểm. Quan hệ kinh tế với các nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có những bạn hàng truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc,... sẽ được cải thiện rõ rệt

thông qua APEC, WTO; Mỹ tiếp tục thúc đẩy tự do hóa thương mại đa phương thông qua đàm phán trong WTO và các quan hệ kinh tế khu vực, các hiệp định thương mại tự do song phương.

Sau những điều chỉnh kinh tế, nước Mỹ hi vọng có thể cải thiện được tình hình xuất khẩu, nhất là khi hiện tượng đồng đô la yếu vẫn đang tiếp diễn. Dự kiến, Mỹ sẽ hướng vào một số thị trường lớn như Nhật Bản, EU, Trung Quốc... nhằm giảm bớt tình trạng thâm hụt trong cán cân thương mại. Mặt hàng xuất khẩu có ưu thế sẽ là các mặt hàng công nghệ cao.

Một khi đã tăng cường quan hệ kinh tế đối ngoại như vậy, dự kiến Mỹ có thể sẽ tham gia vào nhiều vụ tranh chấp thương mại lớn trong thời gian sắp tới, bởi việc mở rộng thị trường hơn nữa vẫn là một đòi hỏi của nền kinh tế Mỹ hiện nay. Đồng thời, Mỹ sẽ vấp phải những vấn đề nan giải sau đây trong quan hệ kinh tế quốc tế:

- Chính sách an ninh - chính trị - kinh tế của chính quyền Mỹ hiện nay sẽ gây xáo động nhiều cho các mối quan hệ kinh tế quốc tế trong rất nhiều năm tiếp theo. Sự phân chia thị trường thế giới sẽ diễn ra phức tạp, cạnh tranh gay gắt buộc Mỹ và nhiều nước lớn sẽ thỏa hiệp trong các vòng đàm phán của WTO để bảo đảm lợi ích của mình, các hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương sẽ được thành lập nhiều hơn. Những hiệp định này sẽ vừa tạo điều kiện, vừa gây cản trở

cho phát triển thương mại và tự do thương mại thế giới thời gian tới.

- Các xu thế hòa bình hợp tác phát triển sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển bùng nổ của nền kinh tế thế giới, của các trung tâm kinh tế thế giới, khiến cho cạnh tranh quốc tế khốc liệt hơn, Mỹ có nhiều đối thủ cạnh tranh hơn, buộc Mỹ phải điều chỉnh nhiều hơn nữa về chính sách và các mối quan hệ kinh tế quốc tế.

- Những vấn đề quốc tế như nạn khủng bố, ô nhiễm môi trường, giá dầu mỏ và nguyên liệu chiến lược tăng cao, các loại dịch bệnh, buôn bán ma túy... cũng buộc Mỹ phải đương đầu giải quyết.

Nền kinh tế Mỹ có thể có được mức tăng trưởng 2,5%-3,5% trong một hai nhiệm kỳ Tổng thống tới, nhưng nền kinh tế đó cũng phải đương đầu với rất nhiều thách thức trong và ngoài nước, từ giác độ kinh tế, đến chính trị, xã hội, an ninh ■

Tài liệu tham khảo:

1. G. Bush, State of the Union Address, Washington DC, Feb. 2005.
2. [Http://usembassy.state.gov/vietnam](http://usembassy.state.gov/vietnam)
3. [Http://www.whitehouse.gov](http://www.whitehouse.gov)
4. [Http://www.bea.doc.gov/bea/glance.htm](http://www.bea.doc.gov/bea/glance.htm)
5. [Http://www.ustreas.gov/](http://www.ustreas.gov/)

Chú thích:

- 1) GDP của Mỹ tăng (%) từ 1993 đến 1999 như sau: 2,3; 3,5; 2,0; 2,8; 3,8; 2,9; 2,2 (World Economic Outlook).
- 2) Theo Báo cáo giữa kỳ về ngân sách năm tài khoá 2005 của Văn phòng Quản lý và Ngân sách Nhà trắng.
- 3) Thông điệp Liên bang của Tổng thống Mỹ, Washington DC, 2/2005.